

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2025/HS-ST
Ngày 25 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung;
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2025/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST - HS ngày 27/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/HSST – QĐ ngày 10/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T, sinh năm 1999 tại Thành phố Cần Thơ; thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N, sinh năm 1980 và con bà Lương Thị T1, sinh năm 1980; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 22/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Giang; thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; tạm trú: Số B Block B, Chung cư L thuộc Thuận G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh

doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; bị cáo có chồng tên Trương Văn T, sinh năm 1999 và có 01 con, sinh năm 2023.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị Thùy T4, sinh năm 2000; thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Phạm Thị Tường V, (không triệu tập);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 là vợ chồng. Tượng làm cộng tác viên cho Công ty H, chuyên tìm kiếm, hướng dẫn làm thủ tục cho khách hàng có nhu cầu vay tiền để thu tiền hoa hồng từ khách. Nguyễn Thị T2 làm công việc kinh doanh trực tuyến trên mạng xã hội thông qua tài khoản facebook tên “Trịnh Thủy T5”. Đồng thời, T2 còn tạo nhóm facebook “Vay Vốn Dĩ An Bình D” do T2 làm quản trị viên để đăng bài kiếm khách có nhu cầu vay vốn hỗ trợ cho Trương Văn T.

Ngày 01/7/2024, chị Lê Thị Thùy T4 sử dụng tài khoản “Chang Le” liên hệ Nguyễn Thị T2 qua tài khoản facebook “Trịnh Thủy T5” để nhờ hướng dẫn làm thủ tục vay tiền và hai bên hẹn gặp nhau làm việc trực tiếp. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 gặp chị T4 tại quán cà phê “Time”, thuộc khu vực Vincom D thuộc khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chị T4 có nhu cầu vay số tiền 16.000.000 đồng thì T và T2 yêu cầu T4 cung cấp thông tin, hình ảnh cá nhân và các giấy tờ tùy thân (CCCD, bằng lái xe, bảo hiểm y tế) để Tượng làm thủ tục trên ứng dụng HDSAISON, được cài đặt trên điện thoại Iphone 13 Promax của T. Khi làm thủ tục, T sử dụng thuê bao số 0703518602 (không chính chủ) điền vào mục “Số điện thoại người vay” và sử dụng 02 số thuê bao không chính chủ khác (không nhớ số thuê bao) mà T đang có sẵn điền vào các mục “người tham chiếu 1”, “người tham chiếu 2” nhằm mục đích trả lời thay cho khách khi Công ty H gọi thẩm định, xác minh, đồng thời kiểm soát tài khoản H1 (nhận mã OTP của ngân hàng) mà chị T4 đứng tên (tài khoản giải ngân được tạo kèm khi đăng ký thủ tục vay). Quá trình tiếp xúc, thấy chị T4 hoàn toàn tin tưởng, không thắc mắc gì về quy trình làm thủ tục nên T sử dụng tài khoản Zalo tên “Trương Tượng” (đăng nhập trên điện thoại Iphone 13

Promax của T) nhắn tin zalo cho T2 qua tài khoản Zalo tên “Huỳnh Nhu” (đăng nhập trên điện thoại Iphone 12 Promax của T2) để bàn bạc về ý định chiếm đoạt số tiền vay của T4 thì T2 đồng ý. Sau khi hoàn thành thủ tục và gửi yêu cầu trên ứng dụng, T và T2 nói T4 về chờ kết quả duyệt hồ sơ. Lúc này, T và Thùy lắp thẻ sim thuê bao số 0703518602 vào điện thoại Nokia 1280, màu xanh (của T2) để chờ phía Công ty H gọi thẩm định hồ sơ. Đến 15 giờ 00 phút cùng ngày, Công ty H gọi đến số điện thoại của người vay thì T2 nhận cuộc gọi và tự nhận là chị T4 để trả lời thẩm định nhằm hoàn tất thủ tục vay. Tiếp đó, T và T2 tháo thẻ sim trên ra khỏi điện thoại Nokia 1280, màu xanh rồi lắp 02 thẻ sim (thuê bao số điện thoại của 02 người tham chiếu) vào điện thoại Nokia 1280, màu xanh và điện thoại Nokia 105 TA-1174 màu đen để tiếp tục chờ cuộc gọi xác minh tiếp theo từ Công ty H tuy nhiên không nhận được cuộc gọi xác minh nào. Đến chiều cùng ngày, Công ty H thông báo hồ sơ vay của chị T4 đã được duyệt nhưng T và T2 không thông báo kết quả trên cho chị T4.

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 02/7/2024, T đi cùng 02 đồng nghiệp khác (không rõ nhân thân, lai lịch) đến trước cổng Công ty S, thuộc KCN Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp chị T4 để giả vờ làm thủ tục vay cho T4. Lúc này T rút thẻ nhân viên Lotte F (Tượng được cấp trong thời gian làm nhân viên của Công ty L1) cho chị T4 xem rồi giả vờ chụp ảnh: CCCD, gương mặt, bằng lái xe, nơi làm việc... và yêu cầu chị T4 tiếp tục chờ kết quả duyệt hồ sơ. Sau khi quay về, T sử dụng điện thoại Iphone 12 promax (của T2) thao tác chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M, tên NGUYEN THI THUY (tài khoản của T2) vào tài khoản ngân hàng H2 số 002704071273621, tên LE THI THUY TRANG (tài khoản được H1 tạo để giải ngân số tiền vay của chị T4). Sau đó T tiếp tục sử dụng điện thoại Iphone 13 Promax để chuyển số tiền 100.000 đồng từ tài khoản ngân hàng H2 của chị T4 vào tài khoản ngân hàng NCB của T. Đến 16 giờ 00 phút, ngày 02/7/2024, T có hướng dẫn làm thủ tục vay cho ông Điều Văn D1, sinh năm 1969. Tuy nhiên, sau khi T tạo thành công cho ông D1 một tài khoản ngân hàng N1, tên D2 làm tài khoản giải ngân thì phát hiện ông D1 từng có nợ xấu, không đạt tiêu chuẩn vay nên T không hỗ trợ ông D1 nữa. Lúc này, tài khoản NCB của ông D1 vẫn đang đăng nhập trên điện thoại của T. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, T nhận được thông báo Công ty H đã giải ngân số tiền 16.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng H2 của chị T4. Sẵn tài khoản ngân hàng NCB của ông D1 đang đăng nhập trên điện thoại của mình nên Tượng thao tác trên điện thoại Iphone 13 Promax chuyển 02 lần (lần thứ nhất là 9.000.000 đồng, lần thứ hai là 7.100.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng N1, tên DIEU VAN DUNG; Tượng tiếp tục thao tác chuyển 02 lần (lần thứ nhất là 9.000.000 đồng, lần thứ hai là 7.100.000 đồng) từ tài khoản NCB tên DIEU VAN DUNG vào tài khoản ngân hàng NCB tên TRUONG VAN TUONG (của T). Lý do, T chia số tiền trên thành 02 khoản (9.000.000 đồng và 7.100.000 đồng) để chuyển vì chuyển từ 10.000.000

đồng trở lên ngân hàng yêu cầu phải quét sinh trắc học của chủ tài khoản (là chị T4 và anh D1). Sau đó, T chuyển 14.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng N2 (của T) sang tài khoản ngân hàng M, tên NGUYEN THI THUY (tài khoản của T2) để chi tiêu sinh hoạt gia đình còn số tiền 2.000.000 đồng thì T tiêu xài cá nhân. Đến A giờ 00 phút ngày 02/7/2024, chị T4 tiếp tục nhắn tin hỏi kết quả thì T2 viện ra nhiều lý do để trả lời rằng hồ sơ của chị T4 không được duyệt nhằm chiếm đoạt số tiền vay của chị T4.

Đến ngày 10/7/2024, chị T4 đến điểm hỗ trợ vay tín chấp của công ty H trong cửa hàng điện máy Chợ L gặp nhân viên Phạm Thị Tường V để liên hệ vay tiền thì được chị V thông báo là chị T4 đã có 01 khoản vay số tiền 16.000.000 đồng, được giải ngân đến tài khoản ngân hàng H1 số 002704071273621, tên LE THI THUY TRANG vào ngày 02/7/2024. Sau đó, chị T4 đã đến Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để trình báo.

Ngày 22/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành mời Nguyễn Thị T2 về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, nhận thấy hành vi cùng Trương Văn T sử dụng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin cho chị T4 để chiếm đoạt số tiền vay 16.000.000 đồng là sai trái nên T2 đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành Lệnh bắt khẩn cấp đối với Trương Văn T.

Đối với hai người đàn ông đi cùng T hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với thẻ sim thuê bao số 0703518602 Trương Văn T đã bỏ và điện thoại Iphone 13 Promax của T đã bán cho một người bạn tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 12.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số sê-ri: HH6HP0170D3Y, số IMEI: 356487143579414, số IMEI 2: 356487143883196.
- 01 thẻ nhân viên L2 tên Trương Văn T.
- 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh.
- 01 điện thoại Nokia 105 TA-1174 màu đen.

Tại Cáo trạng số: 121/CT - VKS ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung

năm 2017 để xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử lý vật chứng;

- Đối với 01 thẻ nhân viên L2 tên Trương Văn T, đề nghị tịch thu tiêu hủy;
- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số sê-ri: HH6HP0170D3Y, số IMEI: 356487143579414, số IMEI 2: 356487143883196, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh, 01 điện thoại Nokia 105 TA-1174 màu đen là phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thùy T4 đã nhận lại 16.000.000 đồng tiền bị chiếm đoạt và 7.000.000 đồng tiền lãi, không yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra đồng thời chị T4 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T2 và T.

Bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 không tranh luận, không bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/7/2024 tại quán C thuộc khu vực V khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin để lấy thông tin lập hồ sơ vay tiền cho bị hại Nguyễn Thị Thùy T6 nhằm chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 121/CT - VKS ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Các tình tiết trên được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do các bị cáo thực hiện về hành vi lừa đảo là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi lừa dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà các bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giảm đơn, do không có sự bàn bạc, phân công nhau thực hiện, bị cáo T, T2 cùng thực hiện với vai trò thực hành. Tuy nhiên xem xét vai trò bị cáo T giữ vai trò chính do vậy mức hình phạt bị cáo T cao hơn so với T2.

[8] Về vật chứng:

+ Đối với 01 thẻ nhân viên L2 tên Trương Văn T không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số sê-ri: HH6HP0170D3Y, số IMEI: 356487143579414, số IMEI 2: 356487143883196, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh, 01 điện thoại Nokia 105 TA-1174 màu đen là phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thùy T6 đã nhận lại đủ số tiền 16.000.000 đồng do bị cáo T và T2 chiếm đoạt và 7.000.000 đồng tiền lãi nên không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[10] Đối với hai người đàn ông đi cùng T hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

Đối với Điều Văn D1 có cung cấp thông tin để nhờ bị cáo làm hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, sau khi thẩm định hồ sơ ông D1 không đủ điều kiện vay. Quá trình thực hiện hành vi bị cáo có sử dụng tài khoản của ông D1 để chuyển tiền, bị cáo xác định việc bị cáo sử dụng tài khoản của ông D1 để chuyển tiền thì ông D1 không biết. Đồng thời, số tiền trên đã được chuyển hết vào tài khoản của T và T2. Cơ quan Công an đã xác minh tuy nhiên hiện nay ông D1 không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên chưa đủ cơ sở để xem xét xử lý.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, xử lý vật chứng, mức hình phạt đối với bị cáo T và T2 là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, T2 phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/VBHN-TATC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

1. Về hình phạt:

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 174 điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2024.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T2 về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của

Luật Thi Hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 71/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Thị T2.

2. Các biện pháp tư pháp

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 89, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 thẻ nhân viên L2 code sale: LSA2303811 tên Trương Văn T;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số sê-ri: HH6HP0170D3Y, số IMEI: 356487143579414, số IMEI 2: 356487143883196, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh (bị nứt màn hình, không hoạt động), 01 điện thoại Nokia 105 TA-1174 màu đen (không hoạt động);

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q1 khoá 14.

Bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Thị T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Phân trại tạm giam khu vực Thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh BD;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng